BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC/SAU ĐẠI HỌC

(Higher education program)

NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):

CHUYÊN NGÀNH (MINOR):

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Syllabus)

1. Tên học phần (tên tiếng Việt và tên tiếng Anh - Course name in Vietnamese and English):

Phát triển bền vững - Sustainable Development

2. Ngôn ngữ giảng dạy (Teaching Language):

Tiếng Việt (Vietnamese)

3. Mã học phần (Course code):

ECO501220

4. Khoa/Viện phụ trách / Nhóm học phần (Teaching Department):

KTLQLNN - Khoa Kinh tế

5. Trình độ (Level of competency): (apply for bachelor, master or Ph.D students students, at the …. academic year)

Đại Học

6. Số tín chỉ (Credits): 2

7. Phân bổ thời gian (Time allocation):(giờ tín chỉ đối với các hoạt động)

* Đối với hoạt động trên lớp (For in-class activities):

- LT: Lý thuyết (Theories) **2** tín chỉ

12 giờ

- LVN: Làm việc nhóm, thảo luận (Group works, discussion,): **0** tín chỉ

18 giờ

* Đối với hoạt động tại phòng máy tính, phòng mô phỏng, … (For activities in computer labs, simulation rooms, …):

- TH: Thực hành, làm việc nhóm, thảo luận (Group works, practice, discussion,) **0** tín chỉ

* TNC: Tự nghiên cứu, tự học (Self-study) **0** tín chỉ

-> Tự học: 30 giờ -> Tự nghiên cứu: 30 giờ -> Khác: 10 giờ

* ĐA: Đồ án, Đề án, Dự án (Project) **0** tín chỉ

* TT: Thực tập (Intership) **0** tín chỉ

Ghi chú

[1] Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

Nguồn: Điều 3, Mục 2, Quyết định 1796/QĐ-ĐHKT-ĐT về việc ban hành Quy chế tô chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

8. Tính chất học phần (Course nature):

Bắt buộc (Compulsory)

9. Ngành áp dụng (Programs):

Tất cả các ngành

10. Điều kiện tiên quyết (Pre-requisites Course): trình bày từ 2 đến 3 môn học bắt buộc phải hoàn thành trước học phần này

Không có môn học bắt buộc phải hoàn thành trước học phần này

11. Học phần trước (Preceding Course): trình bày từ 2 đến 3 môn học bắt buộc phải học trước học phần này

Không có môn học bắt buộc phải học trước học phần này

12. Mục tiêu học phần (Course objective):

12.1. Mô tả tiếng Việt

Kết thúc học phần này, sinh viên được thay đổi cách tư duy trong việc xử lý thách thức nhiều mặt của cuộc sống, hiểu vai trò của phát triển bền vững trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu và có khả năng áp dụng các nguyên tắc phát triển bền vững vào các tình huống thực tế, đặc biệt trong bối cảnh của Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên một lộ trình phù hợp cho con đường nghề nghiệp có giá trị và tạo ra tác động sau này trong một thế giới ngày càng coi trọng sự bền vững. Môn học được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên những nguyên tắc, khái niệm và thách thức chính của phát triển bền vững, tập trung vào bối cảnh của Việt Nam. Mục tiêu của môn học như sau: 1) Khám phá các nguyên tắc và khái niệm chính về phát triển bền vững, bao gồm các khía cạnh về phát triển kinh tế, công bằng xã hội, bền vững môi trường và thể chế vững mạnh; 2) Tìm hiểu những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt trong mục tiêu phát triển bền vững và vai trò của các bên liên quan trong giải quyết những thách thức này; 3) Phát triển kỹ năng tư duy phê phán và nhận thức toàn cầu thông qua phân tích các nghiên cứu điển hình và ví dụ thực tế; 4) Thúc đẩy tinh thần trách nhiệm công dân bằng cách khuyến khích sinh viên tham gia giải quyết vấn đề liên quan đến sự bền vững của các cộng đồng và tổ chức.

12.2. Mô tả tiếng Anh

By the end of this course, students will develop a new way of thinking in addressing the multifaceted challenges of life, understand the role of sustainable development in solving global issues, and be able to apply sustainability principles to real-world situations, particularly in the context of Vietnam. This course provides students with a valuable career pathway that enables them to create meaningful impacts in a world increasingly focused on sustainability. The course is designed to introduce students to the key principles, concepts, and challenges of sustainable development, with a specific focus on Vietnam. The course objectives are as follows: 1) Explore the core principles and concepts of sustainable development, including economic growth, social equity, environmental sustainability, and strong institutional frameworks; 2) Examine the challenges Vietnam faces in achieving sustainable development and the role of various stakeholders in addressing these challenges; 3) Develop critical thinking skills and global awareness through the analysis of case studies and real-world examples; 4) Promote civic responsibility by encouraging students to actively engage in solving sustainability-related issues within communities and organizations.

13. Mô tả vắn tắt nội dung học phần (Course description): trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo

13.1. Mô tả tiếng Việt

Môn học "Phát triển bền vững" giới thiệu các nguyên tắc, khái niệm và thách thức chính của phát triển bền vững, tập trung vào bối cảnh của Việt Nam. Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam phải đối mặt với các vấn đề xã hội, kinh tế và môi trường phức tạp đòi hỏi phải có các giải pháp bền vững. Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về lý thuyết phát triển bền vững, ứng dụng và vai trò của các bên liên quan khác nhau trong hành động hướng tới kết quả bền vững.

Học "Phát triển bền vững" là cần thiết để sinh viên phát triển hiểu biết toàn diện về những thách thức mà thế giới đang phải đối mặt và trang bị cho mình kiến thức và kỹ năng cần thiết để đóng góp tích cực cho một tương lai bền vững và công bằng. Môn học thúc đẩy tư duy phản biện, nhận thức toàn cầu và trách nhiệm công dân đồng thời là bước khởi đầu trên con đường nghề nghiệp có giá trị và tạo ra tác động của sinh viên trong một thế giới ngày càng coi trọng sự bền vững.

13.2. Mô tả tiếng Anh

The course "Sustainable Development" introduces students to the key principles, concepts, and challenges of sustainable development with a focus on the context of Vietnam. As a rapidly developing nation, Vietnam faces complex social, economic, and environmental issues that require sustainable solutions. This undergraduate-level course aims to equip students with a comprehensive understanding of sustainable development theory, its application, and the role of various stakeholders in achieving sustainable outcomes.

Studying "Sustainable Development" is essential for students to develop a holistic understanding of the challenges facing the world and to equip themselves with the knowledge and skills needed to contribute positively to a sustainable and equitable future. The course fosters critical thinking, global awareness, and responsible citizenship while providing a pathway to meaningful and impactful careers in a world that increasingly values sustainability.

14. Chuẩn đầu ra của học phần – Chuẩn đầu ra cấp 3 (Course Learning Outcomes - CLOs):

Sinh viên sau khi hoàn thành học phần Phát triển bền vững sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau:

14.1 Chuẩn đầu ra Kiến thức (Knowledge)

- **CLO1.1** Hiểu và giải thích được các khái niệm và các nguyên tắc cơ bản về phát triển bền vững.
- **CLO1.2** Hiểu và giải thích 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) cũng như các chỉ tiêu và chỉ số tương ứng, đồng thời phân tích mối liên hệ giữa các SDGs trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu.

- **CLO1.3** Phân tích vai trò của tăng trưởng kinh tế và các thực hành bền vững trong việc thúc đẩy nền kinh tế cân bằng, có khả năng phục hồi, đồng thời đề xuất các giải pháp và chính sách để đạt được các SDGs về kinh tế.
- **CLO1.4** Phân tích các vấn đề xã hội và các thực hành bền vững trong việc thúc đẩy sự công bằng và bao trùm, đồng thời đề xuất các giải pháp và chính sách để đạt được các SDGs về xã hội.
- **CLO1.5** Phân tích các vấn đề môi trường, suy thoái tài nguyên và các thực hành bền vững để bảo vệ hành tinh, đồng thời đề xuất các giải pháp và chính sách để đạt được các SDGs về môi trường.
- **CLO1.6** Giải thích vai trò của các thể chế hiệu quả và quan hệ đối tác toàn cầu trong việc thúc đẩy quản trị tốt, hợp tác quốc tế toàn diện và huy động nguồn lực hướng đến phát triển bền vững.

14.2 Chuẩn đầu ra Kỹ năng (Skills)

- **CLO2.1** Ứng dụng kỹ năng tư duy phản biện và tư duy hệ thống để đánh giá sự đánh đổi và tác động của các thực hành bền vững.
- **CLO2.2** Thể hiện kỹ năng giao tiếp hiệu quả để trình bày các khái niệm, ý tưởng và giải pháp phát triển bền vững với các bên liên quan.
- **CLO2.3** Đọc hiểu và đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu phát triển bền vững trong báo cáo của các quốc gia, khu vực hoặc doanh nghiệp.

14.3 Chuẩn đầu ra Mức độ tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility)

- **CLO3.1** Phát triển các giá trị cá nhân và thái độ tích cực đối với sự bền vững, cam kết thực hiện hành vi có trách nhiệm với môi trường, xã hội và kinh tế.
- **CLO3.2** Thể hiện tinh thần trách nhiệm toàn cầu thông qua mối quan hệ hài hòa giữa môi trường, xã hội và kinh tế.
- **CLO3.3** Chủ động học tập và cập nhật thông tin về các vấn đề bền vững.

15. Ma trận chuẩn đầu ra của học phần (CĐR cấp 3) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Course learning outcomes matrix)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) (CĐR cấp 3)	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) (CĐR cấp 2)**						
	PLO1.1	**PLO1.2**	**PLO1.x**	**PLO2.1**	**PLO2.2**	**PLO2.x**	**PLOx.x**
CLO1.1							
CLO1.2							
CLOx.x							

16. Chuẩn đầu ra của bài học (PIs - LLOs) - Chuẩn đầu ra cấp 4 (Performance Indicators - Lesson learning outcomes):

CLO	PI (LLO)	Nội dung PI
CLO1.1	PI1.1.1	Mô tả các khái niệm chính liên quan đến phát triển bền vững.
	PI1.1.2	Hiểu và giải thích được các nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững.
	PI1.1.3	Giải thích mối quan hệ giữa các khái niệm cơ bản trong phát triển bền vững.
CLO1.2	PI1.2.1	Trình bày rõ ràng từng Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs)
	PI1.2.2	Giải thích các chỉ tiêu và chỉ số của từng SDG.
	PI1.2.3	Mô tả mối quan hệ giữa các SDGs và giải thích cách các mục tiêu này hỗ trợ lẫn nhau trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu.
CLO1.3	PI1.3.1	So sánh mô hình tăng trưởng kinh tế truyền thống với các mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững.
	PI1.3.2	Đánh giá các thực hành bền vững của chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội dân sự và các cá nhân về khía cạnh kinh tế.
	PI1.3.3	Đề xuất các chính sách và giải pháp thực tế để đạt được các SDGs về khía cạnh kinh tế.
CLO1.4	PI1.4.1	Mô tả các vấn đề xã hội chính cần giải quyết trong phát triển bền vững.
	PI1.4.2	Đánh giá các thực hành bền vững của chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội dân sự và các cá nhân về khía cạnh xã hội.
	PI1.4.3	Đề xuất các chính sách và giải pháp thực tế để đạt được các SDGs về khía cạnh xã hội.
CLO1.5	PI1.5.1	Mô tả các vấn đề môi trường chính cần giải quyết trong phát triển bền vững.
	PI1.5.2	Đánh giá các thực hành bền vững của chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội dân sự và các cá nhân về khía cạnh môi trường.
	PI1.5.3	Đề xuất các chính sách và giải pháp thực tế để đạt được các SDGs về khía cạnh môi trường.

CLO	PI (LLO)	Nội dung PI
CLO1.6	PI1.6.1	Mô tả các loại thể chế và giải thích tại sao công lý cần phải được chú trọng trong các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường.
	PI1.6.2	Phân biệt giữa quan hệ đối tác vì mục tiêu phát triển bền vững và các quan hệ đối tác trong mô hình tam giác xã hội của từng SDG.
	PI1.6.3	Giải thích được SDG 16+ và ý nghĩa của các hành động của các tổ chức xã hội dân sự nhằm mở rộng các mục tiêu phát triển bền vững.
	PI1.6.4	Giải thích cách thức các thể chế hỗ trợ quản trị tốt trong doanh nghiệp và hợp tác quốc tế, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.
	PI1.6.5	Đánh giá vai trò của các quan hệ đối tác toàn cầu trong việc huy động nguồn lực và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.
CLO2.1	PI2.1.1	Phân biệt giữa các thực hành bền vững khác nhau và đánh giá tác động của chúng.
	PI2.1.2	Đánh giá các sự đánh đổi trong việc triển khai các giải pháp phát triển bền vững.
	PI2.1.3	Ứng dụng tư duy hệ thống để phân tích sự tương tác giữa các yếu tố trong quá trình ra quyết định của các chủ thể nhằm thúc đẩy sự bền vững
CLO2.2	PI2.2.1	Giải thích rõ ràng các khái niệm cơ bản về phát triển bền vững.
	PI2.2.2	Trình bày các ý tưởng về phát triển bền vững một cách thuyết phục và phù hợp với từng nhóm đối tượng liên quan.
	PI2.2.3	Đưa ra các giải pháp phát triển bền vững một cách khoa học và hợp lý trong bài viết hoặc bình luận xã hội.
CLO2.3	PI2.3.1	Đọc và hiểu báo cáo phát triển bền vững của các quốc gia, khu vực hoặc doanh nghiệp.
	PI2.3.2	Đánh giá các chỉ số trong báo cáo phát triển bền vững và phân tích mức độ hoàn thành các mục tiêu SDGs theo các chỉ số cụ thể.

CLO	PI (LLO)	Nội dung PI
	PI2.3.3	So sánh và nhận diện quốc gia, khu vực, hoặc doanh nghiệp nào đạt được các mục tiêu phát triển bền vững tốt hơn.
CLO3.1	PI3.1.1	Liệt kê các giá trị cá nhân liên quan đến sự phát triển bền vững.
	PI3.1.2	Thực hiện các hành động có trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng.
	PI3.1.3	Cam kết duy trì thái độ tích cực về phát triển bền vững trong cuộc sống hàng ngày.
CLO3.2	PI3.2.1	Áp dụng các nguyên tắc phát triển bền vững trong các học phần của chương trình đào tạo, thể hiện tinh thần trách nhiệm toàn cầu trong các quyết định và hành động học thuật.
	PI3.2.2	Phân tích mối quan hệ giữa phát triển bền vững và tinh thần trách nhiệm toàn cầu trong bối cảnh hiện tại.
CLO3.3	PI3.3.1	Tìm kiếm thông tin về các vấn đề phát triển bền vững từ các nguồn đáng tin cậy.
	PI3.3.2	Cập nhật các xu hướng mới trong phát triển bền vững thông qua các khóa học hoặc hội thảo.
	PI3.3.3	Chủ động chia sẻ các kiến thức về phát triển bền vững với cộng đồng.

17. Tài liệu học tập (Learning materials):

17.1 Tài liệu bắt buộc (Text books): (từ 1 đến 3 tài liệu)

17.2 Tài liệu tham khảo (Referrences):

17.3 Khác (Others):

18. Kế hoạch giảng dạy học phần (Course teaching plan):

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
1	**Giới thiệu đề cương học phần** **Giới thiệu về phát triển bền vững** ● Nhận biết bối cảnh toàn cầu và những vấn đề nan giải (dân số, tăng trưởng kinh tế, phân cực xã hội, nghèo đói, dịch bệnh, đô thị hóa, ô nhiễm môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu, giảm đa dạng sinh học, phá rừng, khai thác quá mức tài nguyên dưới nước, …) ● Định nghĩa phát triển bền vững và liệt kê các mốc lịch sử của phát triển bền vững	● CLO1.1 ● CLO1.2 ● CLO3.1 ● CLO3.2 ● CLO3.3	Đọc trước Bài giảng 1; TL1 Chương Introduction	5.0	Thuyết giảng; Thảo luận	5.0		0.0	Trắc nghiệm (LMS và website của học phần)	5.0		0.0	Trắc nghiệm 1 (LMS)	Benton-Short (2023): Introduction

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	• Tóm tắt các khuôn khổ quốc tế và các nguyên lý cơ bản của phát triển bền vững (báo cáo Brundtland, từ MDGs đến SDGs, tháp hệ thống các SDGs, 5 nguyên lý cơ bản của phát triển bền vững, tương tác giữa các SDGs, …) • Nhớ và phân nhóm 17 SDGs • Phác hoạ và giải thích vai trò và trách nhiệm của các chủ thể khác nhau của phát triển bền vững (nhà nước, thị trường và xã hội dân sự) • Phân biệt SDGs, ESG (môi trường, xã hội,													

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	quản trị), CSR, CSV, CE (kinh tế tuần hoàn), kinh tế xanh, … ● Minh hoạ các vấn đề phát triển (không) bền vững của Thế Giới và Việt Nam													
2	**Khía cạnh kinh tế của phát triển bền vững** ● Hiểu được các khái niệm về khía cạnh kinh tế của phát triển bền vững và các mô hình kinh tế trong tương lai ● Giải thích các SDGs về khía cạnh kinh tế [SDG 8 (công việc tốt và tăng trưởng kinh tế), SDG 9 (công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ	● CLO1.3 ● CLO2.1 ● CLO2.2 ● CLO3.1 ● CLO3.2 ● CLO3.3	Đọc trước Bài giảng 2; TL1 Chương 8, 9, 10, 12	10.0	Thuyết giảng; Thảo luận	5.0		0.0	Trắc nghiệm (LMS và website của học phần); Làm việc nhóm	5.0		0.0	Trắc nghiệm 2 (LMS)	Benton-Short (2023): Chương 8, 9, 10, 12

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	tầng), SDG 10 (giảm bất bình đẳng), SDG 12 (tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm)]; áp dụng mô hình tam giác xã hội cho các SDGs về khía cạnh kinh tế của phát triển bền vững • Phân tích mối quan hệ hệ tương tác giữa từng SDG về khía cạnh kinh tế với các SDGs khác_ • Lựa chọn hành động bền vững của các chủ thể về khía cạnh kinh tế • Phân tích tình huống kinh doanh/vấn đề thực tế của tổ chức liên quan đến các													

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	SDGs về khía cạnh kinh tế • Liên hệ các SDGs về khía cạnh kinh tế với các vấn đề của Việt Nam													
3	**Khía cạnh xã hội của phát triển bền vững** • Hiểu được các khái niệm về khía cạnh xã hội của phát triển bền vững và các xã hội mà chúng ta mong đợi • Giải thích các SDGs về khía cạnh xã hội [SDG 1 (xóa nghèo), SDG 2 (không còn nạn đói), SDG 3 (sức khỏe và cuộc sống tốt), SDG 4 (giáo dục có chất lượng), SDG 5 (bình đẳng giới),	• CLO1.4 • CLO2.1 • CLO2.2 • CLO3.1 • CLO3.2 • CLO3.3	Đọc trước Bài giảng 3; TL1 Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 11	10.0	Thuyết giảng; Thảo luận; Thuyết trình	5.0		0.0	Trắc nghiệm (LMS và website của học phần); Làm việc nhóm	5.0		0.0	Trắc nghiệm 3 (LMS)	Benton-Short (2023): Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 11

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	SDGs 6 (nước sạch và vệ sinh), SDG 11 (các thành phố và cộng đồng bền vững)]; áp dụng mô hình tam giác xã hội cho các SDGs về khía cạnh xã hội của phát triển bền vững • Phân tích mối quan hệ hệ tương tác giữa từng SDG về khía cạnh xã hội với các SDGs khác_ • Lựa chọn hành động bền vững của các chủ thể về khía cạnh xã hội • Phân tích tình huống kinh doanh/vấn đề thực tế của doanh nghiệp liên quan đến													

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	các SDGs về khía cạnh xã hội • Liên hệ các SDGs về khía cạnh xã hội với các vấn đề của Việt Nam													
4	**Khía cạnh môi trường của phát triển bền vững** • Hiểu được các khái niệm về khía cạnh môi trường của phát triển bền vững và công ước khung của LHQ về biến đổi khí hậu • Giải thích các SDGs về khía cạnh môi trường [SDG 7 (năng lượng sạch với giá thành hợp lý), SDG 13 (hành động về khí hậu), SDG 14 (cuộc	• CLO1.5 • CLO2.1 • CLO2.2 • CLO3.1 • CLO3.2 • CLO3.3	Đọc trước Bài giảng 4; TL1 Chương 7, 13, 14, 15	10.0	Thuyết giảng; Thảo luận; Thuyết trình	5.0		0.0	Trắc nghiệm (LMS và website của học phần); Làm việc nhóm	5.0		0.0	Trắc nghiệm 4 (LMS)	Benton-Short (2023): Chương 7, 13, 14, 15

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	sống dưới nước), SDG 15 (cuộc sống trên cạn)]; áp dụng mô hình tam giác xã hội cho các SDGs về khía cạnh môi trường của phát triển bền vững ● Phân tích mối quan hệ hệ tương tác giữa từng SDG về khía cạnh môi trường với các SDGs khác ● Lựa chon hành động bền vững của các chủ thể về khía cạnh môi trường ● Phân tích tình huống kinh doanh/vấn đề thực tế của doanh nghiệp liên quan đến các SDGs về khía cạnh môi trường													

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	● Liên hệ các SDGs về khía cạnh môi trường với các vấn đề của Việt Nam													
5	**Khía cạnh quản trị tốt/thể chế của phát triển bền vững** ● Hiểu được các khái niệm về khía cạnh thể chế và quan hệ đối tác của phát triển bền vững, và các thuật ngữ về một xã hội bền vững ● Giải thích các SDGs về khía cạnh thể chế và quan hệ đối tác [SDG 16 (hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ), SDG 17 (quan hệ đối tác vì SDGs) và SDG	● CLO1.6 ● CLO2.1 ● CLO2.2 ● CLO3.1 ● CLO3.2 ● CLO3.3	Đọc trước Bài giảng 5; TL1 Chương 16, 17	5.0	Thuyết giảng; Thảo luận; Thuyết trình	5.0		0.0	Trắc nghiệm (LMS và website của học phần); Làm việc nhóm	3.0		0.0	Trắc nghiệm 5 (LMS)	Benton-Short (2023): Chương 16, 17

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	16+]; áp dụng mô hình tam giác xã hội cho các SDGs về khía cạnh thể chế và quan hệ đối tác của phát triển bền vững • Phân tích mối quan hệ hệ tương tác giữa từng SDG về khía cạnh thể chế và quan hệ đối tác với các SDGs khác • Lựa chọn hành động bền vững của các chủ thể về khía cạnh thể chế và quan hệ đối tác • Phân tích tình huống kinh doanh/vấn đề thực tế của doanh nghiệp liên quan đến các SDGs về khía cạnh													

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	thể chế và quan hệ đối tác ● Liên hệ các SDGs về khía cạnh thể chế và quan hệ đối tác với các vấn đề của Việt Nam													
6	**Đo lường và báo cáo phát triển bền vững** ● Giải thích tại sao cần thiết phải đo lường sự bền vững cấp độ quốc gia [thành tựu, những thách thức] và doanh nghiệp [sự minh bạch, công bố thông tin, bôi xanh, …] ● Tìm hiểu các chỉ số bền vững của quốc tế và của Việt Nam (bao gồm chỉ số	● CLO2.1 ● CLO2.2 ● CLO2.3 ● CLO3.1 ● CLO3.2 ● CLO3.3	Đọc trước Bài giảng 6; TL1 Chương 18.	5.0	Thuyết giảng; Thảo luận; Thuyết trình	5.0		0.0	Trắc nghiệm (LMS và website của học phần)	2.0		0.0	Trắc nghiệm 6 (LMS); Bài tập cá nhân; Bài thuyết trình nhóm	Benton-Short (2023): Chương 18

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	VSDG và chỉ số xanh cấp tỉnh – PGI) • Tìm hiểu bộ khung báo cáo phát triển bền vững quốc tế [Khung báo cáo của Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI), Khung báo cáo của Hội đồng Báo cáo tích hợp quốc tế (IIRC), và Khung báo cáo của Hội đồng báo cáo phát triển bền vững tiêu chuẩn (SASB), Khung đánh giá tác động B-Corp] • Tìm hiểu bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI) của Việt Nam													

Buổi	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học										Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
			Tự học		Trực tiếp trên lớp				Trực tiếp trên LMS					
					Lý thuyết		Thực hành		Lý thuyết		Thực hành			
			Hoạt động học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động dạy và học	Số giờ	Hoạt động	Số giờ	Hoạt động	Số giờ		
	• Đọc hiểu báo cáo phát triển bền vững của một số doanh nghiệp điển hình													
Tổng cộng: 100.0 giờ														

19. Ma trận Chuẩn đầu ra bài học (PIs - LLOs) và Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) (Matrix of Course learning outcomes and Performance Indicators)

#	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra của bài học (PIs - LLOs)	Buổi 1	Buổi 2	Buổi 3	Buổi 4	Buổi 5	Buổi 6
1	CLO1.1	PI1.1.1						
2		PI1.1.2	X					
3		PI1.1.3	X					
4	CLO1.2	PI1.2.1		X				
5		PI1.2.2		X				
6		PI1.2.3		X				
7	CLO1.3	PI1.3.1			X			
8		PI1.3.2			X			

#	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra của bài học (PIs - LLOs)	Buổi 1	Buổi 2	Buổi 3	Buổi 4	Buổi 5	Buổi 6
9		**PI1.3.3**			X			
10	**CLO1.4**	**PI1.4.1**				X		
11		**PI1.4.2**				X		
12		**PI1.4.3**				X		
13	**CLO1.5**	**PI1.5.1**					X	
14		**PI1.5.2**					X	
15		**PI1.5.3**					X	
16	**CLO1.6**	**PI1.6.1**						X
17		**PI1.6.2**						X
18		**PI1.6.3**						X
19		**PI1.6.4**						X

#	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra của bài học (PIs - LLOs)	Buổi 1	Buổi 2	Buổi 3	Buổi 4	Buổi 5	Buổi 6
20		**PI1.6.5**						X
21	**CLO2.1**	**PI2.1.1**	X	X	X	X	X	X
22		**PI2.1.2**	X	X	X	X	X	X
23		**PI2.1.3**	X	X	X	X	X	X
24	**CLO2.2**	**PI2.2.1**	X	X	X	X	X	X
25		**PI2.2.2**			X	X	X	X
26		**PI2.2.3**		X	X	X	X	
27	**CLO2.3**	**PI2.3.1**						X
28		**PI2.3.2**						X
29		**PI2.3.3**						X

#	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra của bài học (PIs - LLOs)	Buổi 1	Buổi 2	Buổi 3	Buổi 4	Buổi 5	Buổi 6
30	**CLO3.1**	**PI3.1.1**	X	X	X	X	X	X
31		**PI3.1.2**	X	X	X	X	X	X
32		**PI3.1.3**	X	X	X	X	X	X
33	**CLO3.2**	**PI3.2.1**	X	X	X	X	X	X
34		**PI3.2.2**	X	X	X	X	X	X
35	**CLO3.3**	**PI3.3.1**	X	X	X	X	X	X
36		**PI3.3.2**	X	X	X	X	X	X
37		**PI3.3.3**	X	X	X	X	X	X

20. Nhiệm vụ của sinh viên (Student workload):

Sinh viên yêu cầu phải hoàn thành các hoạt động sau đây:

- Đọc tài liệu và xem bài giảng trước khi đến lớp;
- Tham dự đầy đủ các buổi học;
- Tham gia thảo luận trong các buổi học;
- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra trắc nghiệm và nộp các bài tập cá nhân trên LMS đúng hạn quy định;
- Dự thi kết thúc học phần.

21. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên (Student assessment system):

Tiêu chuẩn đánh sinh viên và Thang điểm: (Scoring guide/Rubric)

- Trắc nghiệm: 10.00 %

Rubric 1. Trắc nghiệm LMS

Số câu trả lời đúng, thang điểm 10. Điểm trung bình của tất cả các bài trắc nghiệm.

- Bài tập cá nhân: 10.00 %

Rubric 2. Đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Trọng số (%)	Xuất sắc [9-10)	Giỏi [8-9)	Khá [7-8)	Trung bình [5-7)	Yếu [4-5)	Kém [0-4)
Hình thức	30	Trình bày đẹp, ấn tượng (sử dụng Canva, định dạng chuẩn), cấu trúc rõ ràng, không có lỗi chính tả.	Trình bày đẹp, ấn tượng (sử dụng Canva, định dạng chuẩn), cấu trúc rõ ràng, có ít lỗi chính tả.	Trình bày khá, (sử dụng Word/PDF), định dạng chưa chuẩn (canh lề, canh đoạn, font chữ tạm được), cấu trúc tương đối rõ ràng, có ít lỗi chính tả.	Trình bày tạm được, (sử dụng Word/PDF), định dạng chưa chuẩn (canh lề, canh đoạn, font chữ kém), cấu trúc không rõ ràng, nhiều lỗi chính tả.	Trình bày kém (trả lời trực tiếp trên LMS), định dạng cẩu thả (canh lề, canh đoạn, font chữ rất kém), không có cấu trúc, nhiều lỗi	Trình bày rất kém (viết tay/chụp hình), định dạng cẩu thả (canh lề, canh đoạn, font chữ rất kém), không có cấu trúc, rất nhiều lỗi chính tả.

						chính tả.	
Nội dung	70	Đáp ứng hoàn toàn yêu cầu của giảng viên; lập luận, phân tích sắc sảo, có bằng chứng khoa học/có ví dụ minh họa đúng; có giải pháp xuất sắc; sáng tạo.	Đáp ứng hoàn toàn yêu cầu của giảng viên; lập luận, phân tích chặt chẽ, có bằng chứng khoa học/có ví dụ minh họa đúng; có giải pháp hợp lý.	Đáp ứng phần lớn yêu cầu của giảng viên; lập luận, phân tích tương đối, có ít bằng chứng khoa học/có ít ví dụ minh họa đúng; có đưa ra giải pháp nhưng không hợp lý.	Đáp ứng phần nào yêu cầu của giảng viên; lập luận, phân tích chưa tốt, có bằng chứng khoa học/ví dụ minh họa nhưng không đúng; không đưa ra giải pháp.	Không đáp ứng yêu cầu của giảng viên; lập luận, phân tích chưa tốt, không có bằng chứng khoa học/ví dụ minh họa nào cả; không đưa ra giải pháp.	Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của giảng viên; lập luận, phân tích kém, không có bằng chứng khoa học/ví dụ minh họa; không đưa ra giải pháp; viết lạc chủ đề; sao chép/đạo văn.

- Thuyết trình nhóm: 30.00 %

Rubric 3. Đánh giá thuyết trình theo nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Xuất sắc [9-10)	Giỏi [8-9)	Khá [7-8)	Trung bình [5-7)	Yếu [4-5)	Kém [0-4)
Nội dung *(Giảng viên đọc trước bài viết hoặc slides thuyết trình)*	20	Phong phú hơn yêu cầu rất nhiều	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Hoàn toàn không có nội dung gì
	20	Chính xác, khoa học, cập nhật	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai	Hoàn toàn không chính xác, khoa học

				vài sai sót nhỏ	quan trọng	sót quan trọng	
Cấu trúc và tính trực quan *(Giảng viên xem trước bài viết hoặc slides thuyết trình)*	10	Cấu trúc bài viết và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài viết và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài viết và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài viết và slides tương đối hợp lý.	Cấu trúc bài viết và slides chưa hợp lý	Cấu trúc bài viết và slides hoàn toàn không hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ, sáng tạo	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít trực quan và thẩm mỹ	Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày và trả lời câu hỏi *(Giảng viên theo dõi thuyết trình, đặt câu hỏi, và khuyến khích mọi sinh viên đặt câu hỏi)*	20	Dẫn đắt vấn đề và lập luận rất lôi cuốn, thuyết phục, không đọc từ slides, sáng tạo. Tương tác bằng mắt và cử chỉ rất tốt.	Dẫn đắt vấn đề và lập luận rất lôi cuốn, thuyết phục, không đọc từ slides. Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt.	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục, đôi lúc đọc từ slides. Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt.	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng, ít lôi cuốn, nhiều lúc đọc từ slides. Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt.	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng, thường xuyên đọc từ slides. Ít khi tương tác bằng mắt và cử chỉ.	Trình bày không rõ ràng, người nghe hoàn toàn không thể hiểu được nội dung thuyết trình, hoàn toàn đọc từ slides. Không tương tác bằng mắt và cử chỉ.
	10	Tất cả các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng và rất thỏ	Tất cả các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng, thiếu tự tin	Hoàn toàn không trả lời được câu hỏi nào, không tự tin

		a đáng, rất tự tin	đáng, tự tin	phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được, hơi thiếu tự tin	hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được, thiếu tự tin		
Hợp tác trong nhóm *(Giảng viên quan sát trong lúc thuyết trình)*	10	Tất cả thành viên trình bày. Nhóm phối hợp rất tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau khi trình bày và trả lời.	Tất cả thành viên trình bày. Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau khi trình bày và trả lời.	Đa số các thành viên trình bày. Nhóm có phối hợp khi trình bày và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Một vài thành viên trình bày. Nhóm có phối hợp khi trình bày và trả lời nhưng còn nhiều chỗ chưa đồng bộ.	Chỉ một thành viên trình bày. Nhóm ít phối hợp trong khi trình bày và trả lời.	Chỉ một thành viên trình bày. Không thể hiện sự phối hợp trong nhóm.

- Thi kết thúc học phần (Trắc nghiệm + Tự luận online): 50.00 %

Rubric 4. Đánh giá thi kết thúc học phần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Xuất sắc [9-10]	Giỏi [8-9]	Khá [7-8]	Trung bình [5-7]	Yếu [4-5]	Kém [0-4]
Trắc nghiệm	70	Theo số câu trả lời đúng (50 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu đúng được 0.14 điểm/thang điểm 10) *Số câu hỏi trắc nghiệm sẽ được phân bổ theo các chủ đề của học phần như sau:* 1) Giới thiệu chung về phát triển bền vững : 5 câu hỏi 2) Khía cạnh kinh tế của phát triển bền vững : 10 câu hỏi 3) Khía cạnh xã hội của phát triển bền vững : 10 câu hỏi 4) Khía cạnh môi trường của phát triển bền vững : 10 câu hỏi 5) Khía cạnh thể chế của phát triển bền vững : 5 câu hỏi 6) Các ứng dụng vào cuộc sống (bao gồm Dự án UEH Green Campus) : 10 câu hỏi					
Tự luận	30	• Đáp ứng các nội dung phong phú hơn yêu	• Đáp ứng các nội dung phong phú hơn yêu cầu	• Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu	• Đáp ứng khá đầy đủ yêu cầu, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	• Chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu nhiều nội dung	• Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu, thiếu

		cầu rất nhiều ● Lập luận, phân tích xuất sắc ● Chính xác, khoa học, cập nhật	● Lập luận, phân tích tốt ● Chính xác, khoa học	● Lập luận, phân tích khá ● Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	● Thiếu lập luận, phân tích ● Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	quan trọng ● Thiếu lập luận, phân tích ● Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng	nhiều nội dung quan trọng ● Không có lập luận, phân tích ● Hoàn toàn không chính xác, khoa học

22. Hoạt động hỗ trợ của giảng viên và trợ giảng (Student support):

Sinh viên có bất cứ vấn đề gì cần hỗ trợ có thể gửi email trực tiếp cho giảng viên và mạnh dạn đặt câu hỏi trong giờ giảng. **CELG** có tạo một Website về phát triển bền vững, sinh viên nên tích cực tham gia để ôn tập kiến thức liên quan từng bài giảng, làm quen với dạng bài thi và đọc các tài liệu cập nhật của học phần.

Học phần này không áp dụng hình thức trợ giảng.

PHÊ DUYỆT CỦA TRƯỞNG KHOA	QUẢN LÝ MÔN HỌC	NGƯỜI BIÊN SOẠN
(ký và ghi rõ họ tên)	(ký và ghi rõ họ tên)	(ký và ghi rõ họ tên)
TS. Nguyễn Kim Đức		